

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Thanh, ngày tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Sơn,  
huyện Vĩnh Thanh đến năm 2035**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1672/QĐ-TTg ngày 30/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “Các công trình hạ tầng kỹ thuật”;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 16/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng*

vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Vĩnh Thạnh thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 3108/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035;

Theo đề nghị của UBND xã Vĩnh Sơn tại Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 20/3/2023 về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hảo đến năm 2035 và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 415/TTr-KT&HT ngày 13/7/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án, vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch

1.1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035.

1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô quy hoạch

- Thuộc ranh giới xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định; có giới cận cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp xã An Toàn, huyện An Lão;

+ Phía Nam giáp xã Vĩnh Kim;

+ Phía Đông giáp xã Vĩnh Hảo;

+ Phía Tây giáp tỉnh Gia Lai.

- Quy mô quy hoạch: 16.865,57ha.

- Thời kỳ quy hoạch: Đến năm 2035, phân kỳ 5 năm.

2. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Sơn nhằm phù hợp với nhu cầu

phát triển kinh tế - xã hội của xã trong giai đoạn hiện nay và cụ thể hóa các đề án quy hoạch chung của tỉnh, của huyện và quy hoạch của các ngành trên địa bàn xã một cách đồng bộ.

- Tổ chức không gian tổng thể các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho phù hợp với các dự án lân cận của cấp trên, phù hợp với tiềm năng, động lực phát triển kinh tế - xã hội của xã.

- Cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của huyện Vĩnh Thạnh; Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Vĩnh Sơn, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Phát huy lợi thế về vị trí địa lý của xã để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Xác lập quy mô quỹ đất để chuyển mục đích sử dụng và quyền sử dụng đất, khai thác hợp lý quỹ đất ít có giá trị sử dụng nhằm tạo nguồn tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Định hướng sử dụng đất của xã hàng năm một cách hợp lý.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng theo quy hoạch.

### 3. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

#### 3.1. Dự báo phát triển dân số, lao động

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2022 - 2025 là 1,3%/năm (trong đó: tăng tự nhiên là 0,95%/năm, tăng cơ học là 0,35%/năm); giai đoạn 2026 - 2035 là 1,5%/năm (trong đó: tăng tự nhiên là 0,90%/năm, tăng cơ học là 0,6%/năm).

- Dân số toàn xã đến năm 2025 là 3.868 người và đến năm 2035 là 4.489 người.

- Lao động: Nguồn lao động đến năm 2025 là 2.534 người, chiếm 65,5% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 60%; đến năm 2035 là 2.954 người, chiếm 65,8% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%.

#### 3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

##### a) Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất giai đoạn 2020 - 2025: Nông nghiệp tăng 14%; thương mại - dịch vụ tăng 13,5%; tiểu thủ Công nghiệp 12,5% năm. Giai đoạn 2026 - 2035: Nông lâm nghiệp là 10 - 12%/năm%; thương mại - dịch vụ tăng 18 - 20%; tiểu thủ Công nghiệp 12% năm.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất:

+ Đến năm 2025: Nông nghiệp chiếm 61,0%; thương mại - dịch vụ chiếm 35,5%; tiểu thủ công nghiệp 3,5%;

+ Đến năm 2035: Nông nghiệp chiếm 45%; thương mại - dịch vụ chiếm 45%; tiểu thủ công nghiệp 10%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 30 triệu đồng/người/năm và đến năm 2035 đạt từ 60 - 70 triệu đồng/người/năm.

*b) Chỉ tiêu kỹ thuật:*

Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ; Điều 34 Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021; QCVN 07:2016/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật" và điều kiện ở địa phương, xác định các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Chỉ tiêu đất xây dựng:

+ Đất ở tại các khu dân cư mới: 30m<sup>2</sup>/người.

+ Đất công trình công cộng, dịch vụ tối thiểu: 5m<sup>2</sup>/người.

+ Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 5m<sup>2</sup>/người.

+ Đất cây xanh công cộng tối thiểu: 2m<sup>2</sup>/người.

+ Đất giao thông đối ngoại: Theo quy hoạch của huyện và tỉnh.

- Các chỉ tiêu kiến trúc:

+ Nhà ở trong các thôn xóm tầng cao trung bình từ 1 - 3 tầng.

+ Nhà chia lô mặt đường và khu trung tâm cao trung bình từ 1 - 5 tầng.

+ Các công trình văn hóa, giáo dục tầng cao trung bình từ 1 - 3 tầng.

+ Các công trình hành chính và các công trình công cộng khác cao trung bình từ 1 - 3 tầng.

- Quy định về quy mô tối thiểu các công trình công cộng, dịch vụ, kỹ thuật:

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
1	Trụ sở UBND xã	- Tổng diện tích đất: $\geq 1.000 \text{ m}^2$ . - Định mức diện tích đất sử dụng mỗi trụ sở: $\leq 400 \text{ m}^2$ .	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
2	Cấp điện	- Tỷ lệ số hộ dùng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: $\geq 95\%$ . - Chỉ tiêu cấp điện (giai đoạn dài hạn): + Điện năng: $\geq 200 \text{ kWh/người/năm}$ . + Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng: $\geq 15\%$ nhu cầu sinh hoạt của xã hoặc cụm xã. + Phụ tải: $\geq 150 \text{ W/người}$ .	Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
3	Trường, điểm trường mầm non	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán kính phục vụ: <math>\leq 1</math> km.</li> <li>- Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 50 chỗ/ 1.000 dân.</li> <li>- Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: <math>\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}</math>.</li> </ul>	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
4	Trường, điểm trường tiểu học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán kính phục vụ: <math>\leq 1</math> km.</li> <li>- Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 65 chỗ/ 1.000 dân.</li> <li>- Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: <math>\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}</math>.</li> </ul>	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
5	Trường THCS	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu: 55 chỗ/ 1.000 dân.</li> <li>- Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu: <math>\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}</math>.</li> </ul>	
6	Trạm y tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không có vườn thuốc: Diện tích đất <math>500\text{m}^2/\text{trạm}</math>.</li> <li>- Có vườn thuốc: Diện tích đất <math>1.000\text{m}^2/\text{trạm}</math>.</li> </ul>	
7	Văn hóa, thể thao công cộng (Các hạng mục văn hóa, thể thao công cộng phải kết hợp trong cùng nhóm công trình để đảm bảo sử dụng khai thác)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà văn hóa <math>1.000\text{m}^2/\text{công trình}</math>.</li> <li>- Phòng truyền thống <math>200\text{m}^2/\text{công trình}</math>.</li> <li>- Thư viện <math>200\text{m}^2/\text{công trình}</math>.</li> <li>- Hội trường 100 chỗ/công trình.</li> <li>- Cụm công trình, sân bãi thể thao <math>5.000\text{m}^2/\text{cụm}</math>.</li> </ul>	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
8	Chợ, cửa hàng dịch vụ (Tùy theo đặc điểm địa phương có thể bố trí cho xã hoặc liên xã)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 chợ/ xã với diện tích <math>1.500\text{m}^2</math>.</li> <li>- 01 công trình/khu trung tâm <math>300\text{m}^2</math>.</li> </ul>	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
9	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	01 điểm/xã với diện tích $150\text{m}^2/\text{điểm}$ .	

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	Ghi chú
10	Cấp nước	- Nước cấp cho sinh hoạt: Trường hợp cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu 60 lít/người/ngày đêm; trường hợp cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng đảm bảo tối thiểu 40lít/người/ ngày đêm. - Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình $\geq 8\%$ lượng nước cấp cho sinh hoạt.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng
11	Nghĩa trang	Diện tích nghĩa trang tập trung 0,04ha/1.000 người.	Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

#### 4. Phân khu chức năng

##### 4.1. Quy hoạch phát triển không gian

- Khu trung tâm xã: Theo đồ án Quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2020 thì khu trung tâm xã thuộc địa phận thôn K3, với tổng diện tích 32,0 ha là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa của xã. Tập trung chủ yếu các công trình công cộng: Giáo dục, bưu điện; khu thương mại - dịch vụ, khu thể dục, thể thao, công viên cây xanh. Tuy nhiên, trong kỳ quy hoạch này có sự thay đổi, điều chỉnh ranh giới, diện tích cho phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội của huyện, xã. Khu trung tâm xã với quy mô diện tích 52,9 ha thuộc địa phận thôn K3 là trung tâm kinh tế, thương mại - dịch vụ, văn hóa của xã. Tập trung chủ yếu các công trình chính như: Trụ sở các cơ quan sự nghiệp, nhà làm việc công an xã, giáo dục, bưu điện, nhà văn hóa xã, khu thể dục, thể thao, hoa viên cây xanh, thương mại - dịch vụ và các cơ sở phát triển sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp,...

- Khu dân cư nông thôn: Khu dân cư ở khu trung tâm xã, dọc theo đường ĐH 33 phát triển theo hình thái nhà ở kết hợp với kinh doanh dịch vụ; các điểm dân cư tập trung ở các thôn phát triển theo hình thái nhà vườn kết hợp sản xuất nông nghiệp. Các công trình thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân như: Nhà văn hóa thôn, khu thể dục, thể thao thôn,...

- Khu thương mại - dịch vụ: Định hướng phát triển 03 điểm (Khu nghỉ dưỡng sinh thái dược liệu thôn K3; khu thương mại dịch vụ thôn K3 và khu thương mại dịch vụ thôn Suối Cát).

- Nhà trưng bày sản phẩm truyền thống và du lịch cộng đồng.

- Khu trồng hoa anh đào ở thôn K2, K3.

- Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn ở thôn

## K3.

- Thao trường huấn luyện dân quân tự vệ ở thôn Suối Đá.
- Nhà làm việc công an xã ở thôn Suối Đá.
- Bãi đậu xe ô tô ở thôn K2.
- Nhà máy cấp nước sinh hoạt ở thôn K2.
- Mỏ đất làm vật liệu xây dựng ở thôn K3.
- Điem chôn lấp rác thải tập trung ở thôn Suối Đá.
- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt ở thôn K4.
- Khu sản xuất nông nghiệp:
  - + Khu trồng rau, hoa tập trung ở 2 thôn K2 và K3.
  - + Khu trồng cây ăn quả ở thôn Suối Đá.
  - + Khu trồng nguyên liệu sắn ở thôn Suối Cát, K4 và K8.
  - + Khu trồng cây dược liệu dưới tán rừng ở thôn K2.
- Khu sản xuất lâm nghiệp: Tập trung chủ yếu ở phía Tây và phía Nam của xã, đối với rừng tự nhiên tập trung giao khoán quản lý bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng để quản lý bảo vệ. Còn rừng trồng sản xuất định hướng quy hoạch trồng rừng cây gỗ lớn ở thôn K4 và xây dựng cấp chứng chỉ rừng (FSC) trên địa bàn xã.

## 4.2. Quy hoạch hệ thống điểm dân cư, khu trung tâm

## a) Quy hoạch khu trung tâm xã:

- Quy mô diện tích ranh giới khu trung tâm xã với diện tích 52,9 ha, thuộc địa phận của thôn K3.

- Bố trí các công trình công cộng như: Nhà làm việc công an xã, giáo dục, bưu điện, nhà văn hóa xã, khu thể dục, thể thao, hoa viên cây xanh, thương mại - dịch vụ và các cơ sở phát triển sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp,...

- Hình thức tổ chức nhà ở: Nhà ở dọc theo đường ĐH 33 phát triển theo hình thái nhà ở kết hợp với kinh doanh dịch vụ, nhà nghỉ, khách sạn, nhà ở kết hợp với dịch vụ du lịch homestay,...

STT	Danh mục	Diện tích (ha)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>52,90</b>
1	Đất Bưu điện	0,03
2	Đất giáo dục	0,58
3	Đất văn hoá	0,44
4	Đất chợ	0,40

STT	Danh mục	Diện tích (ha)
5	Đất thể dục thể thao	1,23
6	Đất công trình sự nghiệp khác	0,29
7	Đất thương mại dịch vụ	16,13
8	Đất ở hiện trạng	9,13
9	Đất ở quy hoạch mới khu Trung tâm xã	6,08
10	Đất giao thông	7,11
11	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	2,63
12	Đất quy hoạch trồng cây xanh cách ly	3,27
13	Đất rừng cảnh quang dược liệu quý	2,64
14	Đất khu vườn ươm dược liệu	1,54
15	Đất quy hoạch giao thông	1,40

*b) Quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn, xóm:*

- Điểm quy hoạch dân cư thôn K3: Diện tích 14,1ha gồm 5 điểm, trong đó: Điểm từ cửa nhận nước hồ A đến rẫy ông Đinh Xoa 1,8ha, điểm từ nhà bà Đinh Thị Thiều đến cửa nhận nước hồ A 1,8ha, điểm đi K1 sau khi mở đất khai thác xong 2,3ha, điểm từ vườn cao su Công ty lâm nghiệp đến rẫy ông Nguyễn Hùng 5,1ha và điểm phía sau cây xăng 2,6 ha.

- Điểm dân cư thôn Suối Đá: Diện tích 13,1ha gồm 4 điểm, trong đó: Dự án định canh định cư làng K2, Suối Đá 3,8ha, điểm từ cầu Suối Đá đến đập chính hồ A 1,0ha, điểm từ nhà ông Đinh Lang đến Suối Đá 5,3ha và điểm từ ao cá Ba Điều đến ruộng Hnhong 3,0ha.

- Điểm dân cư thôn K2: Diện tích 6,5ha gồm 3 điểm, trong đó: Điểm từ đường ĐT 637 đến ruộng Granh 4,5ha, điểm từ ĐT 637 đến ruộng HTroong 1,1ha, điểm từ nhà ông Hoàng Trung Đông đến trạm bảo vệ rừng 1,0ha.

- Điểm dân cư thôn K4: Diện tích 11,2 ha gồm 4 điểm, trong đó: Điểm sau nhà Bok Dun đến ruộng hai 1,0ha, điểm từ rẫy Cháy đến nghĩa trang thôn 6,5ha, điểm từ nhà ông Vui đến ĐH 33 2,2ha, điểm ruộng Tung 1,5ha.

- Điểm dân cư thôn K8: Diện tích 11,9ha gồm 3 điểm, trong đó: Điểm từ nhà ông Đặng Văn Khánh đến đập suối Quyên 4,7ha, điểm phía sau làng K8 5,7ha, điểm từ suối Quyên đến nhà Giá Hàn 1,5ha.

- Điểm dân cư thôn Suối Cát: Diện tích 10,5ha gồm 2 điểm, trong đó: Điểm từ nhà Bok Phân đến đập chính hồ Trà Xom 3ha, điểm Đak Xung suối Cát 7,5ha.

*c) Quy hoạch các công trình công cộng:*



STT	Công trình	Thôn	Hiện trạng (m <sup>2</sup> )	Quy hoạch (m <sup>2</sup> )	Tăng (+), giảm (-)
1	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã	Suối Đá	3.070,7	3.070,7	
2	Trạm y tế xã	Suối Đá	2.158,8	2.158,8	
3	Chợ Vĩnh Sơn	K3		4.044,0	4.044,0
4	Bưu điện văn hóa xã	K3	276,7	276,7	
5	Sân thể thao xã	K3	7.036,0	10.350,0	3.314,0
6	Đài truyền thanh xã	Suối Đá	443,7	443,7	
7	Nhà thi đấu thể thao đa năng	K3		1.931,0	1.931,0
8	Nhà bia	Suối Đá	600,0	600,0	
9	Trường PTDT BT THCS Vĩnh Sơn	Suối Đá	17.520,0	17.520,0	
10	Điểm chính Trường Tiểu học ở thôn K3	K3	2.453,3	3.953,3	1.500,0
11	Điểm Trường Tiểu học ở thôn K4	K4	2.053,6	2.053,6	
12	Điểm Trường Tiểu học ở thôn K2	K2	1.875,0	1.875,0	
13	Điểm Trường Tiểu học ở thôn K8	K8	1.781,0	1.781,0	
14	Điểm Trường Tiểu học ở Đak Xung	Suối Cát	1.988,0	1.988,0	
15	Điểm chính Trường Mầm non ở thôn K3	K3	1.820,0	1.820,0	
16	Điểm Trường Mầm non ở thôn K2	K2	475,2	475,2	
17	Điểm Trường Mầm non ở thôn K4	K4	864,8	1.500,0	(vị trí mới)
18	Điểm Trường Mầm non ở thôn K8	K8	536,1	1.000,0	(vị trí mới)
19	Điểm Trường Mầm non ở thôn Suối Cát	Suối Cát	163,9	163,9	
20	Nhà trưng bày sản phẩm truyền thống và du lịch cộng đồng	K3		2.200,0	2.200,0
21	Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	K3		1.000,0	1.000,0
22	Bãi đậu xe ô tô	K2		6.000,0	6.000,0
23	Nhà máy cung cấp nước sinh hoạt	K2		2.000,0	2.000,0
24	Thao trường huấn luyện dân quân tự vệ	Suối Đá		20.000,0	20.000,0
25	Nhà làm việc công an xã	Suối Đá		1.500,0	1.500,0
26	Điểm chôn lấp rác thải tập trung	Suối Đá		20.000,0	20.000,0
27	Nhà văn hoá + khu thể thao thôn K3	K3	2.746,1	2.225,8	-520,3
28	Nhà văn hoá + khu thể thao thôn K2	K2	12.736,6	163,9	
29	Nhà văn hoá + khu thể thao thôn K4	K4	1.179,6	2.044,4	864,8
30	Nhà văn hoá + khu thể thao thôn K8	K8	1.448,1	1.448,1	
31	Nhà văn hoá + khu thể thao thôn Suối Đá	Suối Đá	10.290,4	10.290,4	

STT	Công trình	Thôn	Hiện trạng (m <sup>2</sup> )	Quy hoạch (m <sup>2</sup> )	Tăng (+), giảm (-)
32	Nhà văn hoá + khu thể thao thôn Suối Cát	Suối Cát	1.506,3	1.506,3	
33	Nhà thi đấu đa năng	K3		1.930,0	1.930,0
34	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt	K4		15.000,0	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>75.023,9</b>	<b>144.313,8</b>	

## 5. Định hướng tổ chức không gian xã

### 5.1. Định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng

a) *Trụ sở cơ quan (Đảng ủy - HĐND - UBND xã Vĩnh Sơn):* Giữ nguyên vị trí hiện trạng thuộc thôn Suối Đá, diện tích 3.070,7m<sup>2</sup>.

b) *Trạm y tế xã Vĩnh Sơn:* Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại thôn Suối Đá, diện tích 2.158,8m<sup>2</sup>.

#### c) *Công trình an ninh, quốc phòng:*

- Quy hoạch mới trụ sở công an xã Vĩnh Sơn diện tích 1.500m<sup>2</sup> tại thôn Suối Đá.

- Quy hoạch thao trường huấn luyện dân quân tự vệ xã Vĩnh Sơn diện tích 20.000,0m<sup>2</sup> ở thôn Suối Đá.

d) *Bưu điện văn hóa xã:* Giữ nguyên hiện trạng với diện tích 276,7m<sup>2</sup> tại khu trung tâm xã ở thôn K3.

e) *Công trình giáo dục:* Trên địa bàn xã có 03 điểm trường chính và 08 điểm lẻ. Trong thời gian đến mở rộng điểm chính Trường Tiểu học ở thôn K3 thêm 1.500 m<sup>2</sup> đưa diện tích khuôn viên trường thành 3.953,3m<sup>2</sup>; điểm lẻ trường mầm non K4 quy hoạch vị trí mới diện tích 1.500m<sup>2</sup>; điểm Trường Mầm non ở thôn K8 quy hoạch mới diện tích 1.000 m<sup>2</sup> nằm cạnh vị trí hiện tại. Các điểm trường khác vẫn giữ ổn định.

#### g) *Công trình văn hóa - thể thao:*

- *Nhà văn hoá và khu thể thao xã:*

+ Nhà văn hoá xã: Giữ nguyên vị trí hiện trạng trong khuôn viên UBND xã.

+ Đài truyền thanh xã: Giữ nguyên vị trí hiện trạng, diện tích 443,7m<sup>2</sup> ở thôn Suối Đá.

+ Khu thể thao xã: Mở rộng sân vận động xã Vĩnh Sơn về phía Đông lên thành 10.350 m<sup>2</sup> để sân đạt chuẩn; quy hoạch nhà thi đấu thể thao đa năng nằm về phía Bắc nhà văn hóa thôn K3 với diện tích 1.930m<sup>2</sup>.

- *Nhà văn hoá và khu thể thao thôn:*

+ Nhà văn hoá thôn: Định hướng nâng cấp cơ sở vật chất, bê tông nền nhà văn hoá các thôn, xây nhà vệ sinh các thôn.

+ Khu thể dục, thể thao thôn: Thôn K3 giảm 520,3m<sup>2</sup> (mở rộng sân vận động xã), các thôn khác giữ nguyên (gồm sân bóng chuyền, cầu lông,...) để phục vụ các hoạt động thể dục thể thao ở các thôn.

5.2. Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới và các thôn cũ

a) Đối với khu dân cư hiện trạng:

- Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ,...) và các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn,...

- Diện tích lô đất ở hộ sản xuất nông nghiệp: Từ 200 m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

- Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ làm nghề: Từ 100 m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

- Mật độ xây dựng tối thiểu 40%.

- Chiều cao tầng khuyến khích ≤ 3 tầng.

b) Đối với khu dân cư mới:

- Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn mới:

TT	Loại đất	(m <sup>2</sup> /người)
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	30
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
4	Cây xanh công cộng	2

- Hình thái kiến trúc nhà ở:

+ Kiến trúc hiện đại, đặc trưng của điểm dân cư nông thôn mới mang dáng dấp của dân cư đô thị mới. Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ,...) và các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn,...

+ Diện tích lô đất ở hộ sản xuất nông nghiệp: Từ 200m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

+ Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ làm nghề: Từ 100m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

+ Mật độ xây dựng tối thiểu 60%.

+ Chiều cao tầng từ 1 đến 3 tầng.

5.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất, dịch vụ

5.3.1. Quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp

a) Trồng trọt:

- Giữ nguyên hiện trạng đất trồng lúa ở các thôn.

- Bố trí 02 vùng trồng rau, hoa ôn đới theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với phát triển du lịch trải nghiệm với diện tích 103 ha, trong đó: Thôn K2 là 25 ha

và thôn K3 là 78 ha định hướng trồng các loại rau, hoa ôn đới cung cấp cho các địa phương trong tỉnh.

- Bố trí các vùng trồng nguyên liệu sắn với diện tích 224 ha, trong đó: Thôn K4 là 37 ha, Suối Cát 155,8 ha và thôn K8 là 31,2 ha.

- Bố trí 01 vùng trồng cây ăn quả diện tích 42 ha tại thôn Suối Đá dưới chân đồi Cam trồng các cây trồng ăn quả phù hợp với thổ nhưỡng khí hậu như sầu riêng, bơ, chanh dây,...

- Bố trí vùng 01 vùng trồng cây dược liệu dưới tán rừng (mật nhân, hà thủ ô, cát sâm, ba kích,...) nhằm tạo thu nhập cho bà con cũng như bảo vệ rừng một cách hiệu quả hơn.

- Bố trí trồng hoa anh đào với diện tích 3,1 ha, trong đó thôn K2 là 2,3 ha và thôn K3 là 0,8 ha.

#### b) Chăn nuôi:

- Tăng quy mô và chất lượng đàn vật nuôi, nâng cao chất lượng con giống được lai tạo, đa dạng hóa sản phẩm vật nuôi trên cơ sở tổ chức mạng lưới thú y cơ sở hoạt động có hiệu quả. Bên cạnh việc tăng tổng đàn một cách hợp lý, phát triển chăn nuôi nông hộ theo hình thức khép kín để đảm bảo vệ sinh môi trường; chăn nuôi dưới tán cây ăn quả, phát triển chăn nuôi dưới tán rừng...; khuyến khích phát triển chăn nuôi các giống vật nuôi địa phương phục vụ khách du lịch. Đối tượng vật nuôi chính là bò, heo, gà,...

- Quy hoạch 01 điểm chăn nuôi tập trung: Diện tích 07 ha ở thôn K3.

#### 5.3.2. Quy hoạch lâm nghiệp

Quy hoạch đất lâm nghiệp trên địa bàn xã Vĩnh Sơn đến năm 2025 là 13.772,52 ha và đến năm 2035 là 13.694,71 ha. Phương án quy hoạch tác nghiệp lâm nghiệp như sau:

- Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp do Ban Quản lý rừng Phòng hộ Vĩnh Thạnh quản lý: 6.602,91 ha thực hiện theo dự án phát triển rừng giai đoạn 2021 - 2025 đã phê duyệt theo quyết định số 405/QĐ-UBND, ngày 15/02/2023 của UBND tỉnh Bình Định và Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2030 của Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh.

- Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp do Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn quản lý: 4.743,23ha. Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn đã xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020 - 2025 và được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 09/6/2020.

- Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp do UBND xã Vĩnh Sơn và người dân địa phương quản lý: 2.348,57 ha. Đối với rừng tự nhiên UBND xã Vĩnh Sơn tổ chức quản lý bảo vệ; đối với đất rừng sản xuất bố trí trồng rừng cây gỗ lớn (bố trí vùng trồng rừng cây gỗ lớn 145,0 ha tại thôn K4), khuyến

khích người dân trồng rừng gỗ lớn bằng cây bản địa (sao đen, dầu rái, giổi,...) và xây dựng cấp chứng chỉ rừng (FSC) bằng hình thức liên kết chuỗi sản xuất giữa hộ gia đình và doanh nghiệp gỗ.

### 5.3.3. Thủy sản

Tiếp tục thực hiện nuôi cá Tầm ở hồ A với diện tích thả nuôi 4.320m<sup>2</sup>. Phát triển diện tích nuôi cá nước ngọt theo hình thức lồng, bè mặt nước hồ thủy điện Trà Xom ở thôn K8 với diện tích khoảng 10 ha.

5.3.4. Quy hoạch phát triển TTCN, ngành nghề, dịch vụ - thương mại nông thôn

- Quy hoạch 01 mỏ đất làm vật liệu xây dựng với diện tích 02 ha ở thôn K3.

- Quy hoạch 03 điểm thương mại - dịch vụ với quy mô diện tích 37,3 ha. Trong đó: Thôn K3 là 35,3 ha, thôn K8 là 02 ha.

- Quy hoạch khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: 0,1 ha tại thôn K3.

- Quy hoạch chợ: 0,4 ha tại thôn K3.

- Quy hoạch bãi đậu xe ô tô: 0,6 ha tại thôn K2.

### 5.3.5. Quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất

- Đường trục chính nội đồng: Để thuận tiện trong sản xuất nông nghiệp cũng như việc đi lại của nhân dân trong xã, sẽ đầu tư mở mới và nâng cấp 33 tuyến đường trục chính vào các khu sản xuất, điểm tham quan du lịch với tổng chiều dài 31,4km các tuyến giao thông đạt tiêu chuẩn cấp B theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải về giao thông.

- Hệ thống thủy lợi: Sửa chữa đập dâng DLiêng, H Nhung thôn K2; sửa chữa đập dâng Giá Liết thôn K3; sửa chữa đập dâng Pơ Nung, Suối Quyên, bê tông hoá kênh mương từ suối Ding Mai đến ruộng Bá Duyệt dài 700m thôn K8; xây tường chắn nước Tu Toaih và mở mới BTXM kênh mương ruộng ĐakToaih dài 680m thôn Suối Đá; mở mới BTXM kênh mương ruộng Sê Nam, dài 300m thôn Suối Cát.

- Hệ thống điện phục vụ sản xuất:

+ Đầu tư xây dựng mới 01 trạm biến áp (01 trạm thôn Suối Đá) và thay thế hệ thống đường dây hạ thế cũng như bảo dưỡng nâng cấp các trạm biến áp các thôn.

+ Đầu tư xây 1 trạm biến áp 0,4kW cung cấp cho thôn K2 và Suối Đá và các khu sản xuất dưới chân đồi Cam chiều dài 2km.

+ Lắp đặt đường dây điện vào khu quy hoạch dân cư chiều dài 800m ở thôn K3.

+ Lắp đặt mới đường dây từ ĐT 637 vào khu sản xuất chăn nuôi Pơ

Nung Glang 135m, định hướng lắp đặt đường dây điện cho khu quy hoạch dân cư sau làng với chiều dài 01 km ở thôn K8.

- Kè: Định hướng trong thời gian đến xây kè chống xói lở từ đập tràn chính hồ A đến cầu Suối Đá 1,5km; kè Tu H Mớ thôn K2.

#### 6. Quy hoạch sử dụng đất

Diện tích, cơ cấu các loại đất: Tổng diện tích tự nhiên: 16.865,57 ha.

- Đất nông nghiệp: 15.790,02 ha.

- Đất phi nông nghiệp: 1.069,21 ha.

- Đất chưa sử dụng: 8,34 ha.

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2022		Quy hoạch đến năm 2035		Tăng (+) giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>16.865,57</b>	<b>100,0</b>	<b>16.865,57</b>	<b>100,0</b>	<b>0,0</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>16.024,73</b>	<b>95,01</b>	<b>15.790,02</b>	<b>93,61</b>	<b>-236,71</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	239,70	1,42	239,70	1,42	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.058,55	6,28	1.051,18	6,23	-7,37
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	895,05	5,31	795,40	4,72	-99,65
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	5.377,48	31,88	5.285,85	31,34	-91,63
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.239,36	48,85	2.138,58	12,68	-6.100,78
1.6	Đất rừng đặc dụng	RDD	209,10	1,24	6.270,28	37,18	6.061,18
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,21	0,01	1,21	0,01	
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	4,28	0,03	5,82	0,03	1,54
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>830,80</b>	<b>4,93</b>	<b>1.069,21</b>	<b>6,34</b>	<b>238,41</b>
2.1	Đất ở ( <i>Đất ở tại nông thôn</i> )	OCT	45,20	5,44	110,44	10,33	65,24
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,29	0,03	0,29	0,03	
2.3	Đất quốc phòng	CQP			2,00	0,19	2,00
2.4	Đất an ninh	CAN			0,15	0,01	0,15
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	5,79	0,70	92,48	8,65	86,69
2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,45	0,05	76,29	7,14	75,84
2.7	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	636,60	76,62	649,60	60,76	13,00
2.8	Đất cơ sở tôn giáo	TON					

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2022		Quy hoạch đến năm 2035		Tăng (+) giảm (-) (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.9	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN					
2.10	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	8,51	1,02	14,51	1,36	6,00
2.11	Đất sông, suối	SON	133,61	16,08	123,10	11,51	-10,51
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,35	0,04	0,35	0,03	
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>DCS</b>	<b>10,04</b>	<b>0,06</b>	<b>8,34</b>	<b>0,05</b>	<b>-1,70</b>

7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường

#### 7.1. Giao thông

Đường giao thôn nông thôn: Nâng cấp mở rộng và mở mới 33 tuyến với tổng chiều dài 31,4km. Kết cấu bê tông xi măng, chiều rộng mặt đường 3,5 - 7,0m, chiều rộng nền đường 7 - 14m.

#### 7.2. Thủy lợi

- Sửa chữa đập dâng DLiêng, H Nhông thôn K2; sửa chữa đập dâng Giá Liệt thôn K3; sửa chữa đập dâng Pơ Nung, Suối Quyên, bê tông hoá kênh mương từ suối Ding Mai đến ruộng Bá Duyệt dài 700m thôn K8; xây tường chắn nước Tu Toaih và mở mới BTXM kênh mương ruộng ĐakToaih dài 680m thôn Suối Đá; mở mới BTXM kênh mương ruộng Sê Nam, dài 300m thôn Suối Cát.

- Đầu tư xây dựng kè chống xói lở từ đập tràn chính hồ A đến cầu Suối Đá 1,5km; kè Tu H Mớ thôn K2.

#### 7.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện

- Trạm điện và đường dây: Đầu tư hệ thống điện gồm trạm biến áp và hệ thống đường dây vào các khu dân cư mới và các vùng quy hoạch sản xuất tập trung để chủ động sử dụng điện trong sản xuất và sinh hoạt.

- Hệ thống điện phục vụ sản xuất: Đầu tư 2 trạm biến áp và 4 tuyến đường dây với chiều dài 3,94km.

- Lưới điện chiếu sáng: Hệ thống điện chiếu sáng các đường trục chính của xã, đường khu trung tâm xã đã được đầu tư. Trong thời gian tới, vận động người dân địa phương phối hợp với UBND xã Vĩnh Sơn tiếp tục đầu tư lắp hệ thống điện thấp sáng đường làng, ngõ xóm phục vụ cho việc đi lại của người dân và đảm bảo được an ninh, trật tự trên địa bàn xã.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước: Với tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt 80 lít/người/ngày đêm và quy mô dân số toàn xã đến năm 2025 khoảng 3.868 người và định hướng đến năm 2035 khoảng 4.013 người; lượng nước cần cung cấp cho toàn xã Vĩnh Sơn như sau:

- Đến năm 2025: khoảng 502 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Đến năm 2035: khoảng 520,9 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### 7.5. Quy hoạch thoát nước

- Thoát nước mưa: Thoát theo địa hình tự nhiên và thông qua hệ thống cống rãnh gắn với xây dựng đường giao thông.

- Thoát nước thải:

+ Khu trung tâm xã, khu quy hoạch dân cư mới bằng cống tròn bê tông cốt thép D400x400, bố trí hệ thống xử lý đảm bảo yêu cầu trước khi thoát ra môi trường tự nhiên.

+ Đối với các điểm dân cư ở các thôn vận động nhân dân xây dựng hệ thống xử lý nước thải thông qua hầm rút (hố xí, nhà tắm). Nước thải chăn nuôi vận động nhân dân xử lý theo công nghệ Biogas.

+ Định hướng quy hoạch trạm xử lý nước thải sinh hoạt với diện tích 15.000m<sup>2</sup> ở thôn K4.

#### 7.6. Quy hoạch vệ sinh môi trường

##### a) *Chất thải rắn (CTR):*

- **Thu gom CTR:** Thực hiện phân loại rác tại nguồn.

+ Đối với rác thải sinh hoạt của hộ gia đình cá nhân, cơ quan, trường học, cơ sở kinh doanh, hộ kinh doanh, dịch vụ ăn uống giải khát dọc theo tuyến đường ĐT 637 và các tuyến đường trục thôn, UBND xã Vĩnh Sơn ký kết hợp đồng với đơn vị có năng lực để thu gom rác chuyên dụng về bãi rác chung của xã để xử lý.

+ Đối với rác thải sinh hoạt của các hộ xa trục lộ chính (xe tải trọng lớn không đến được): Thành lập tổ thu gom rác thải, phù hợp với từng địa bàn khu dân cư, tổ có trách nhiệm thu gom rác trong tổ của mình, vận chuyển bằng xe cải tiến đến đúng vị trí quy định để đơn vị thu gom.

+ Đối với các hộ gia đình trong xóm nằm xa các tuyến đường, có vườn rộng vận động, hướng dẫn người dân phân loại rác, chôn lấp, tiêu hủy theo đúng quy định.

- **Xử lý CTR:**

Tại bãi tập trung chất thải rắn, công tác xử lý chất thải rắn sẽ được thực hiện theo đúng quy định.

Ngoài ra, để thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường, UBND xã Vĩnh Sơn cần phối hợp với cơ quan bảo vệ môi trường của huyện tiến hành giám



sát việc xả chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải,...) của các hộ gia đình, tổ chức, doanh nghiệp,... trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ môi trường.

*b) Nghĩa trang:* Trên cơ sở các điểm nghĩa trang nhân dân hiện trạng, bố trí quy hoạch mở rộng thêm diện tích 6,0 ha ở 04 điểm (thôn K2 mở rộng thêm 01 ha, thôn K3 mở rộng thêm 01 ha, thôn Suối Cát mở rộng thêm 02 ha, thôn K8 mở rộng thêm 02 ha).

#### 8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

##### *a) Danh mục, công trình ưu tiên đầu tư:*

- Quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, các điểm dân cư tập trung.
- Đầu tư xây dựng chợ Vĩnh Sơn.
- Nâng cấp cơ sở vật chất nhà văn hóa các thôn.
- Xây dựng nhà trưng bày sản phẩm truyền thống và du lịch cộng đồng.
- Đầu tư xây dựng mới trạm biến áp và hệ thống đường dây hạ thế.
- Đầu tư bê tông hoá các tuyến đường trục thôn, xóm và đường trục chính giao thông nội đồng; các tuyến đường vào thác Dơi, thác Lơ Pin, thác KmLo (thác Câm), thác Duh Unh (Suối Trú) và thác Xung Xul để phát triển du lịch.
- Xây dựng mô hình rau sạch, cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP, ứng dụng công nghệ cao.
- Xây dựng mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng.
- Đầu tư trồng hoa anh đào.
- Đầu tư nhà máy cấp nước sinh hoạt.
- Đầu tư bê tông hoá kênh mương nội đồng,...

##### *b) Vốn đầu tư:*

Tổng khái toán vốn đầu tư: 112.965 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: 107.610 triệu đồng.
- Vốn đầu tư phát triển sản xuất: 5.355 triệu đồng.

#### 9. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch

Sau khi Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 được phê duyệt; UBND xã Vĩnh Sơn có trách nhiệm xây dựng Quy định quản lý quy hoạch xây dựng có tích hợp quy chế quản lý kiến trúc các điểm dân cư để trình UBND huyện phê duyệt, làm căn cứ quản lý xây dựng trên địa bàn xã theo quy hoạch này.

#### 10. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện đồ án quy hoạch

- Thời gian thực hiện quy hoạch đến năm 2035.

- Sau khi Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh đến năm 2035 được phê duyệt; UBND xã Vĩnh Sơn có trách nhiệm tổ chức công khai quy hoạch, lập quy hoạch xây dựng chi tiết các điểm dân cư và những công trình, dự án cụ thể để trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt, làm căn cứ tổ chức đầu tư xây dựng theo quy định.

**Điều 2.** Giao UBND xã Vĩnh Sơn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND xã Vĩnh Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, K2, KT&HT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Thông**